

I. PHẠM VI ÔN TẬP:

Năng lực đọc và viết:

- **Năng lực đọc (6.0 điểm):** Phạm vi tri thức Đọc hiểu thuộc Bài 3,4.
- **Năng lực viết (4.0 điểm):** Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội, phần Viết thuộc Bài 3,4.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Tự luận.

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc hiểu (6.0 điểm)

1.1. Văn bản nghị luận:

Nhận biết:

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản
- Nhận biết được câu chủ đề, đề tài, nội dung của văn bản.
- Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.
- Nhận biết mục đích, thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản.

Thông hiểu:

- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản;
- Phân tích được vai trò của các yếu tố miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận
- Phân tích được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết trong văn bản
- Hiểu và lí giải được nội dung và ý nghĩa của văn bản; mục đích, thái độ và tình cảm của người viết.
- Phân tích, lí giải được quan điểm, mục đích, thông điệp, bài học của văn bản.

Vận dụng:

- Thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan điểm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận
- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.

1.2. Truyện thơ và Thơ trữ tình có yếu tố tự sự

Nhận biết:

- Nhận biết được đề tài, cốt truyện, nhân vật trong truyện thơ dân gian/thơ trữ tình
- Nhận biết được người kể chuyện trong truyện thơ dân gian/thơ trữ tình
- Nhận biết được ngôn ngữ độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm, các biện pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/thơ trữ tình.
- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ dân gian/thơ trữ tình.

- Nhận biết được các yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình.

Thông hiểu:

- Phân tích được đặc điểm, vai trò của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ dân gian/thơ trữ tình
- Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/thơ trữ tình.
- Phân tích được vai trò của các yếu tố tượng trưng, đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức của một tác phẩm thơ trữ tình.
- Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ dân gian/thơ trữ tình.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả trong truyện thơ dân gian/thơ trữ tình.
- Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ dân gian/thơ trữ tình.
- Phát hiện được các giá văn hóa, triết lí nhân sinh từ truyện thơ dân gian/ thơ trữ tình.

Vận dụng:

- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ dân gian/thơ trữ tình.
- Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của truyện thơ dân gian/thơ trữ tình.
- So sánh được sự giống và khác nhau giữa các văn bản truyện thơ; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.

2. Viết (4.0 điểm): Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

Nhận biết:

- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.
- Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.
- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.

Thông hiểu:

- Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.
- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.
- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.
- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,.. để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

- Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.
- Dàn ý tham khảo:**
- Mở bài: Giới thiệu vấn đề sẽ bàn luận trong bài viết (trực tiếp hoặc gián tiếp).
 - Thân bài: Dùng lí lẽ và bằng chứng để:
 - + Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận và nêu quan điểm của người viết.
 - + Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, bàn về các khía cạnh của vấn đề.
 - + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều.
 - + Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng.
 - Kết bài: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,...).

IV. MA TRẬN VÀ ĐỀ THAM KHẢO

1. Ma trận đề kiểm tra

Khung ma trận đề 100% tự luận - Lớp 11

T T	Kĩ năng	Nội dung kiến thức	Câu hỏi	Mức độ đánh giá			Tổng % điểm
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu	- Văn nghị luận - Truyện thơ dân gian và thơ trữ tình	Câu 1	10%			
			Câu 2	10%			60
			Câu 3	10%			
			Câu 4		10%		
			Câu 5		10%		
			Câu 6			10%	
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh; Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)		1* (0.5%)	1* (15%)	1* (20%)	40
Tổng				35%	35%	30%	100
Tỉ lệ chung				70%		30%	

2. Đề tham khảo

ĐỀ THAM KHẢO 1

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

NIỀM TIN VÀ NỖI SỢ

[...] “Để sống lạc quan hơn, chúng ta chọn tạo ra niềm tin. Đôi khi, những mục tiêu của bạn quyết liệt đòi hỏi bạn phải thể hiện niềm tin vào chúng. Nỗi sợ hãi sẽ len lỏi vào tâm trí và đánh lừa bạn. Nó sẽ tước mọi thứ vĩ đại bạn đã, đang và sẽ được ban phước ra khỏi tầm tay bạn.

Nỗi sợ là một cơ chế giúp chúng ta tránh né sự tổn hại về mặt thể chất hoặc cái chết. Nhưng chúng ta lại thường sử dụng cơ chế này để có được cảm giác thoải mái - để trốn tránh những thử thách. Khi cơ chế này bị sử dụng sai cách, nó sẽ cản trở tiến trình và ngăn chúng ta đạt đến tiềm năng trọn vẹn của mình. Nỗi sợ giữ chúng ta kẹt lại trong những cuộc đời tầm thường, bởi chúng buộc chúng ta phải trốn chạy tiềm năng của mình, thay vì chạy khỏi những thứ thực sự có hại. Nỗi sợ kìm hãm chúng ta mỗi ngày trong suốt cuộc đời và kiểm soát mọi lựa chọn của chúng ta. Chúng ta sử dụng quỹ thời gian vô giá của mình để tưởng tượng ra những chuyện tồi tệ, thay vì có niềm tin vào những điều tốt đẹp. Và hành động của chúng ta phản ánh điều đó.

Cả niềm tin và nỗi sợ đều đòi hỏi bạn phải tin vào những thứ vô hình. Bạn có thể cảm thấy sợ hãi khi phải bước ra ngoài trời lạnh bởi bạn tin rằng thời tiết đó sẽ khiến bạn ốm, ngay cả khi bạn vẫn đang khỏe mạnh. Đó chỉ là ảo giác do trí tưởng tượng của bạn tạo ra, cho đến khi nó được hiện thực hoá trong đời bạn.[...]

Nỗi sợ là một trạng thái có tần số rung cảm thấp và bởi vậy, chúng sẽ kéo thêm nhiều thứ không lành mạnh đến với cuộc đời của bạn. Không như niềm tin, nỗi sợ không truyền sức mạnh cho tâm trí và điều này được phản ánh qua chính những trải nghiệm của bạn. Nếu loại bỏ nỗi sợ hãi, trải nghiệm của bạn sẽ được cải thiện. Ví dụ, một bác sĩ phẫu thuật không có nỗi sợ nào trong tâm thì ông ta sẽ ít do dự và tập trung hơn. Việc đưa ra các quyết định sẽ được cân nhắc tốt hơn, kết quả là ông ta sẽ có những ca phẫu thuật thành công hơn.

Thay nỗi sợ bằng niềm tin sẽ khích lệ chúng ta dám làm những việc không tưởng, giúp chúng ta khám phá miền đất trù phú của những khả năng. Niềm tin không nhất thiết phải khiến mọi thứ trông dễ dàng hơn, nó khiến mọi thứ trở nên dễ dàng đạt được hơn. Khi theo đuổi những mục tiêu của bản thân, bạn phải có một niềm tin vững chắc trước những quan điểm xấu xa hoặc những bước ngoặt kém may mắn của số phận. Niềm tin mà tôi đang nói đến là khi bạn dám nói thành lời rằng: “Tôi sẽ chiến thắng”, ngay cả khi mọi thứ trước mắt bạn đang dần biến mất...”

(Trích *Yêu mình trước đã, yêu đời để sau*, Vex King, Nga Lê dịch, NXB Thế giới, 2019, tr. 296 - 298)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. (1,0 điểm) Vấn đề chính được đề cập trong văn bản là gì?

Câu 2. (1,0 điểm) Dựa vào văn bản, cho biết người viết đã sử dụng bằng chứng nào để làm sáng tỏ quan điểm: *“nỗi sợ không truyền sức mạnh cho tâm trí và nếu loại bỏ nỗi sợ hãi, trải nghiệm của bạn sẽ được cải thiện”*?

Câu 3. (1,0 điểm) Người viết đã thể hiện quan điểm, thái độ như thế nào đối với vấn đề được đề cập trong văn bản?

Câu 4. (1,0 điểm) Theo anh/chị, mục đích tác giả so sánh niềm tin và nỗi sợ là gì?

Câu 5. (1,0 điểm) Biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong câu: *“Thay nỗi sợ bằng niềm tin sẽ khích lệ chúng ta dám làm những việc không tưởng, giúp chúng ta khám phá miền đất trù phú của những khả năng”* có tác dụng gì?

Câu 6. (1,0 điểm) Anh/Chị có đồng tình với quan điểm: *“Nỗi sợ giữ chúng ta kẹt lại trong những cuộc đời tầm thường”* không? Lí giải trong khoảng 5-7 dòng.

II.VIẾT (4.0 điểm)

Anh (chị) hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về việc tự bảo vệ mình trước các tệ nạn xã hội./.

ĐỀ THAM KHẢO 2

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

NÚI ĐÔI¹

Vũ Cao²

*Bảy năm về trước, em mười bảy
Anh mới đôi mươi, trẻ nhất làng
Xuân Dục, Đoài Đông hai cánh lúa
Bữa thì em tới, bữa anh sang*

*Lối ta đi giữa hai sườn núi
Đôi ngon nên làng gọi núi Đôi
Em vẫn đùa anh: sao khéo thế
Núi chồng núi vợ đứng song đôi!*

*Bỗng cuối mùa chiêm quân giặc tới
Ngõ chùa cháy đỏ những thân cau
Mới ngỡ lời thôi, đành lối hẹn
Đâu ngờ từ đó bất tin nhau.*

*Anh vào bộ đội, lên Đông Bắc
Chiến đấu quên mình năm lại năm
Mấy bận dân công về lại hỏi
Ai người Xuân Dục, núi Đôi chẳng?*

[...]

*Náo nức bao nhiêu ngày trở lại
Lệnh trên ngừng bắn, anh về xuôi
Hành quân qua tắt đường sang huyện
Anh ghé thăm nhà, thăm núi Đôi.*

*Mới tới đầu ao, tin sét đánh
Giặc giết em rồi, dưới gốc thông
Giữa đêm bộ đội vây đồn Thừa
Em sống trung thành, chết thủy chung!*

[...]

*Ai viết tên em thành liệt sĩ
Bên những hàng bia trắng giữa đồng
Nhớ nhau anh gọi em: đồng chí
Một tấm lòng trong vạn tấm lòng.*

*Anh đi bộ đội sao trên mũ
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm.*

1956

(Tuyển tập Vũ Cao , NXB Văn học, 1994, tr.34-35)

Chú thích:

- ⁽¹⁾ *Núi Đôi* là bài thơ được tác giả Vũ Cao sáng tác năm 1956, dựa trên một câu chuyện có thật về nữ du kích, anh hùng liệt sỹ Trần Thị Bắc, người đã hi sinh trong kháng chiến chống Pháp ở quê nhà, xóm Chùa, thôn Xuân Đoài, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Năm 2007, bài thơ được bình chọn vào danh sách 100 bài thơ Việt Nam hay nhất thế kỷ 20 do Trung tâm văn hóa doanh nhân và Nhà xuất bản Giáo Dục phối hợp tổ chức.
- ⁽²⁾ Vũ Cao tên thật là Vũ Hữu Chính quê ở xã Liên Minh huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định. Ông sinh trong một gia đình nho học và hoạt động văn học khá sớm, là nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam. Năm 2001, ông được tặng *giải thưởng Nhà nước* về Văn học nghệ thuật.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (1.0 điểm) Nhân vật trữ tình trong văn bản là ai?

Câu 2. (1.0 điểm) Đề tài của văn bản là gì?

Câu 3. (1.0 điểm) Nêu tác dụng của yếu tố tự sự được sử dụng trong văn bản.

Câu 4. (1.0 điểm) Biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ sau có tác dụng gì?

*Anh đi bộ đội sao trên mũ
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm.*

Câu 5. (1.0 điểm) Nhận xét tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong văn bản.

Câu 6. (1.0 điểm) Sau khi đọc văn bản, anh (chị) hãy trình bày những suy nghĩ của mình về sự tàn khốc của chiến tranh đối với con người.

II.VIẾT (4.0 điểm)

Anh (chị) hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của việc trân trọng cuộc sống mỗi ngày./.

----- HẾT -----